

CÁN LÂM RỒ CÁC QUAN NIỆM VỀ LẠM PHÁT TIỀN TỆ

TS. Châu Đình Phương*

Từ khi kinh tế thị trường thực sự đi vào mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là đời sống kinh tế thì rất nhiều quan niệm mới về lạm phát tiền tệ xuất hiện. Có thể gặp các quan niệm mới về lạm phát tiền tệ từ rất nhiều phương tiện thông tin đại chúng, từ các nhà nghiên cứu, các chuyên gia hoạch định chính sách. Chỉ trong vòng mấy năm gần đây, nhất là từ giữa năm 2004 lại nay, khi mà chỉ số giá cả hàng tiêu dùng liên tục tăng lên, khi mà sức mua đối nội và đối ngoại của VND liên tục giảm xuống thì một loạt quan niệm mới về lạm phát tiền tệ lần lượt ra đời. Một số trong các quan niệm đó là:

- Lạm phát chỉ phi đầy;
- Lạm phát giá cả;
- Lạm phát cơ bản;
- Lạm phát tối ưu;
- Lạm phát hợp lý;
- Lạm phát ổn định;
- Lạm phát tiền mặt...

Trong 7 cách quan niệm khác nhau về lạm phát tiền tệ trên đây thì thực chất có 4 loại: lạm phát giá cả, lạm phát cơ bản, lạm phát tối ưu, lạm phát tiền mặt.

Thứ nhất, về lạm phát giá cả: Những người đưa ra quan niệm này cho rằng, giá của một số mặt hàng mà Việt Nam phải thường xuyên nhập khẩu như dầu mỏ, sắt thép... liên tục tăng lên trong thời gian qua là nguyên nhân chủ yếu "đẩy" mặt bằng giá hàng hóa - dịch vụ tiêu dùng trong nước tăng lên. Vì bị "đẩy" như vậy, nên sức mua của VND phải giảm xuống. Khi sức mua của đồng bản tệ (đồng tiền quốc gia) bị giảm sút thì đó chính là biểu hiện của lạm phát, nhưng lạm phát trong hợp ngữ này không phải là lạm phát tiền tệ mà là "lạm phát giá cả". Theo cách lập luận này thì, "lạm phát giá cả" là hậu quả của tình trạng giá cả của hàng hóa - dịch vụ liên tục tăng lên chủ yếu do giá vật tư - hàng hóa nhập khẩu tăng lên ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của các nhà chức trách trong nước. Rõ ràng là, với cách quan niệm này thì khó mà đưa ra một giải pháp nào cho "lạm phát giá cả" khi mà sự khác biệt giữa thị trường trong nước và thị trường thế giới vẫn tồn tại như một tất yếu khách quan cho dù quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang diễn ra như một xu hướng của thời đại. Hơn nữa, sự không chính xác của quan niệm "lạm phát giá cả" là ở chỗ, giá cả không thể bị "lạm phát". Giá cả hàng hóa - dịch vụ trên thị trường tăng giảm đều được quyết định bởi quan hệ "cung - cầu". Khi quan hệ này bị phá vỡ

thì, hoặc là sức mua của đồng tiền tăng lên khi cung > cầu; và giảm xuống khi cung < cầu. Tình trạng này kéo theo hiện tượng lạm phát hoặc thiếu phát tiền tệ. Khi xuất hiện tình trạng này, các nhà chức trách có thể sử dụng các công cụ kinh tế; đặc biệt là các công cụ tiền tệ như lãi suất, tỷ giá hối đoái và các công cụ tiền tệ khác để can thiệp. Đây chính là lý do để các nhà lý thuyết tiền tệ cổ điển cũng như cận đại tiếp tục khẳng định sự đúng đắn đối với quan niệm lạm phát tiền tệ mà từ trước tới nay đã từng được biết đến, và được liên tục vận dụng cho mọi nền kinh tế có sản xuất hàng hóa. Có một lý do khác cần phải nói đến khi không thừa nhận khái niệm "lạm phát giá cả" là vấn đề tiền tệ cũng là một loại hàng hóa trong thế giới hàng hóa (tất nhiên tiền tệ luôn là một loại hàng hoá đặc biệt mà chỉ có trong điều kiện của kinh tế hàng hóa), nên đã và đang tồn tại khái niệm "lạm phát tiền tệ". Trong kinh tế hàng hoá thì lạm phát tiền tệ như là một tất yếu khách quan mà con người chỉ có thể nhận biết để tìm cách kiểm chế nó. Chính trong kinh tế hàng hóa thì giá cả luôn luôn là biểu hiện bằng tiền của giá trị. Giá cả mọi hàng hóa - dịch vụ cũng do con người ấn định, nhưng việc "điều hành" nó lại được quyết định chủ yếu bởi quan hệ cung - cầu trên thị trường. Trong khi đó, chủ tiêu lạm phát tiền tệ hàng năm đều được các nhà chức trách của các nước chủ động dự báo và đưa vào hệ thống các chỉ tiêu pháp lệnh. Thông qua việc sử dụng các công cụ của chính sách tiền tệ mà người ta có thể can thiệp vào việc tung thêm hoặc rút bớt tiền khỏi lưu thông nhằm duy trì một tỷ lệ lạm phát đã được dự kiến. Do vậy, khi nói đến lạm phát tiền tệ cũng là nói đến những biến động của giá cả với tư cách là dấu hiệu của tiền tệ.

Việc xuất hiện khái niệm "lạm phát giá cả" lần đầu tiên ở Việt Nam đã làm cho một số người cho rằng, để có được các giá - thấp hữu hiệu cho lạm phát tiền tệ thì cần phải đi từ giá trị của đồng tiền. Thực ra, giữa giá trị của đồng tiền và lạm phát tiền tệ không hề có một sự ràng buộc mang tính bản chất kinh tế nào cả. Nói đến giá trị của một loại đồng tiền nào đó của một nước: A, B, C nào đó cũng là nói đến một loại hàng hoá đặc biệt trong thế giới hàng hóa - "hàng hóa tiền tệ". Đó là hàng hóa thì các thuộc tính của nó luôn được thể hiện. Cũng như các hàng hóa thông thường khác, hàng hóa tiền tệ cũng có giá trị và giá trị sử dụng. Tất nhiên, khác với các hàng

Hà Nội (*)

hóa thông thường, giá trị của hàng hóa tiến tệ là không đáng kể, lao động sống và lao động vật hóa kết tinh trong một hàng hóa tiến tệ là rất nhỏ. Do vậy, cho rằng, để giải quyết vấn đề lạm phát tiến tệ phải xuất phát từ giá trị đồng tiền là hoàn toàn không đúng. Chỉ có thể nói rằng, để có được các giải pháp cho tình trạng lạm phát tiến tệ thì vấn đề đặt ra là phải xem xét sự biến động sức mua của đồng tiền. Khi sức mua của tiền tệ giảm sút và giảm sút một cách liên tục thì đó chính là biểu hiện đầy đủ nhất của lạm phát tiến tệ. Quan điểm này đã được các kinh tế học từ cổ đến kim khẳng định. Đó là, "Lạm phát bao giờ và ở đâu cũng là hiện tượng của tiền tệ" (Theo Friedman và Keyens).

Thứ hai, về "lạm phát cơ bản"

Lạm phát cơ bản thường được xác định trên cơ sở chỉ số giá cả của một số hàng hóa - dịch vụ tiêu dùng cơ bản. Vì thế tỷ lệ lạm phát cơ bản được xem như là một trong những chỉ số rất quan trọng mà các dự báo kinh tế phải đưa vào đó cho định hướng phát triển kinh tế-xã hội của các quốc gia trong từng giai đoạn phát triển khác nhau. Tuy nhiên, cần phải đặc biệt lưu ý rằng, danh sách các hàng hóa - dịch vụ cơ bản của mỗi nước có những khác nhau nhất định. Sự khác biệt này phản ánh một cách khá đầy đủ đặc trưng kinh tế, thể mạnh cũng như những hạn chế của mỗi một quốc gia. Nếu với các nước công nghiệp hàng đầu thế giới thì danh mục các hàng hóa - dịch vụ cơ bản là nhà ở, phương tiện đi lại, các dịch vụ cho nhu cầu du lịch, thể thao..., thì với các nước đang phát triển, các nước kém phát triển, danh mục các hàng hóa - dịch vụ cơ bản vẫn bao gồm những hàng hóa - dịch vụ tiêu dùng thiết yếu nhất, trong đó không thể không tính đến các hàng hóa - dịch vụ của các ngành sản xuất và chế biến nông sản, thực phẩm. Ví thế, khi sử dụng chỉ tiêu lạm phát cơ bản, người ta phải căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu các hàng hoá dịch vụ cơ bản được Nhà nước công bố để sử dụng cho việc tính toán, xác định chỉ số giá cả hàng tiêu dùng trong từng thời kỳ nhất định.

Vào những tháng cuối năm 2004, trên một số Tạp chí thuộc chuyên ngành Tài chính-Tiền tệ của Việt Nam đã cho đăng tài ý kiến của một số chuyên gia về phương pháp xác định lạm phát cơ bản. Theo quan điểm của một số tác giả thì, để tính toán, xác định lạm phát cơ bản của Việt Nam trong thời gian qua thì cần loại trừ một số mặt hàng thuộc nhóm lương thực thực phẩm thiết yếu trong danh sách những mặt hàng được sử dụng để tính toán chỉ số giá cả hàng hóa - dịch vụ tiêu dùng. Theo đó, người ta đã tính được lạm phát cơ bản của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2004 là khoảng 1,78%(trong khi đó,

thì số liệu của Tổng cục thống kê về chỉ số giá tiêu dùng-CPI-5 tháng đầu năm 2004 là 6,3%). Trên thực tế, danh sách các hàng hoá-dịch vụ mà Tổng cục Thống kê đã và đang sử dụng trong tính toán, xác định chỉ số giá hàng tiêu dùng cũng là danh sách mang tính đại diện. Hàng hóa - dịch vụ được Tổng cục Thống kê sử dụng cho tính toán chỉ số giá tiêu dùng hàng năm đã phản ánh khá chính xác đặc trưng của kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây. Đó chính là những hàng hóa-dịch vụ cơ bản, thiết yếu nhất cho đại bộ phận người dân Việt Nam. Vì vậy, việc loại bỏ nhóm hàng hóa thuộc lương thực, thực phẩm ra khỏi danh sách các hàng hóa để tính toán, xác định chỉ số giá tiêu dùng là không phù hợp với thực tế của Việt Nam. Điều quan trọng hơn là, với cách đặt vấn đề như vậy thì việc điều hành chính sách tiền tệ có thể gặp phải những sai lầm không đáng có; và có thể rất khó lường.

Thứ ba, về "lạm phát lõi ẩn"

Quan niệm về "lạm phát lõi ẩn" được bắt nguồn trước hết từ sự khẳng định sự có mặt tất yếu của lạm phát tiến tệ, và đồng thời cũng là việc thừa nhận những mặt tích cực của lạm phát tiến tệ trong kinh tế thị trường. Việc thừa nhận sự tồn tại của lạm phát tiến tệ trong kinh tế thị trường như một tất yếu khách quan xuất phát từ một thực tế là, người ta không thể xác định được một cách chính xác lượng tiền cần thiết để đưa vào lưu thông là bao nhiêu cho phù hợp với nhu cầu lưu thông hàng hóa. Theo lý thuyết, lượng tiền cần thiết để đưa vào lưu thông phụ thuộc vào 2 biến số chủ yếu là khối lượng hàng hoá và dịch vụ được đưa ra thị trường và tốc độ lưu thông tiền tệ. Cả 2 biến số này liên tục biến động về định tính và định lượng. Sự biến động này luôn luôn tạo ra một khoảng lệch giữa lượng tiền được phát hành và nhu cầu của lưu thông hàng hóa. Tất nhiên, khoảng lệch này đã được con người nhận biết như là một tất yếu khách quan nhưng không bao giờ xác định được một cách chính xác, tuyệt đối. Mức độ chính xác của việc xác định khoảng lệch này phụ thuộc gần như hoàn toàn vào trình độ phát triển kinh tế của mỗi nước. Với các nước phát triển thì khoảng lệch này thường được dự báo thấp hơn nhiều so với các nước đang phát triển và các nước kém phát triển. Thông thường, ở các nước công nghiệp hàng đầu thế giới thì tỷ lệ lạm phát hàng năm được dự kiến với mức độ rất thấp, thường là trên dưới 1% một năm. Như vậy, việc thừa nhận sự có mặt của lạm phát tiến tệ trong kinh tế thị trường đã không còn là vấn đề để bàn cãi (lưu ý rằng, trong điều kiện kinh tế kế hoạch hóa - tập trung - quan liêu - bao cấp của những thập niên còn tồn tại tại phe XHCN người ta đã không thừa

nhận có lạm phát tiền tệ). Vấn đề đặt ra ở đây là, lạm phát tiền tệ có những mặt gì là tích cực cho tăng trưởng kinh tế như ý kiến của những người đưa ra quan niệm "lạm phát tốt ư"? Được biết, những người đưa ra quan niệm này đã bắt đầu từ việc khảo sát tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong những năm qua trong mối quan hệ với diễn biến của tỷ lệ lạm phát hàng năm. Bằng cách đó, người ta nhận định rằng, cùng với tốc độ tăng lên của lạm phát là sự tăng lên của tăng trưởng kinh tế. Do vậy, rõ ràng là lạm phát tiền tệ cũng là một yếu tố thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Thiết nghĩ rằng, tăng trưởng kinh tế là kết quả tổng hợp của rất nhiều yếu tố khác nhau; mà quan trọng nhất là việc thay đổi phương thức quản lý, là việc sức sản xuất đã được giải phóng, mở đường cho các thành phần kinh tế phát huy cao độ năng lực sản xuất của họ. Thực ra, nếu lạm phát tiền tệ có những mặt tích cực của nó cho tăng trưởng kinh tế thì tại sao trong bất kỳ chính sách tiền tệ của bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới người ta cũng nói đến kiểm chế và đẩy lùi lạm phát (đặc biệt khi có lạm phát phi mã)? Trên thực tế, mỗi khi tỷ lệ lạm phát tăng lên cũng chính là thời điểm mà sức mua của tiền tệ bị giảm sút. Do vậy, chẳng có Nhà nước cũng như người dân nào người ta lại thấy cần phải có lạm phát cả; mặc dầu họ đã phải chấp nhận nó như là một tất yếu khách quan. Mỗi khi lạm phát cũng có nghĩa là người ta đã đưa vào lưu thông một lượng tiền không có vật tư - hàng hóa làm đảm bảo, và đó bao giờ cũng là nguyên nhân làm cho giá cả hàng hóa - dịch vụ liên tục tăng lên; điều mà chẳng ai trông đợi.

Việc những người đưa ra quan niệm lạm phát tốt ư cho rằng, tỷ lệ lạm phát tốt ư cho Việt Nam trong những năm tới là 3,5% chỉ có thể là một con số theo tính toán lý thuyết, còn về thực tế thì còn rất nhiều vấn đề cần được nghiên cứu thật kỹ lưỡng. Một trong số đó là, với tỷ lệ lạm phát như vậy thì, hàng năm Ngân sách Nhà nước cần bỏ ra bao nhiêu để bù đắp cho phần thu nhập thực tế của người dân bị mất đi do "phải" lạm phát với tỷ lệ như vậy? Nên chăng, người ta cần đặc biệt quan tâm đến việc xác định cho được một tỷ lệ lạm phát phù hợp với thực trạng của nền kinh tế Việt Nam trong từng thời kỳ nhất định. Tuy nhiên, đây là một bài toán phức tạp, không thể làm như kiểu bốc thuốc của một số thầy lang thiếu kinh nghiệm.

Thư tư, về "lạm phát tiền mặt"

Có một số ý kiến cho rằng, thực chất của lạm phát tiền tệ là lạm phát tiền mặt. Những người đưa ra ý kiến này đã có thể nhầm lẫn giữa khái niệm tiền giấy trong định nghĩa về lạm phát tiền tệ với khái

niệm lưu thông tiền mặt trong nền kinh tế thị trường. Khái niệm tiền giấy trong định nghĩa về lạm phát tiền tệ bao gồm cả tiền mặt và chuyển khoản. Tại các nước phát triển, lưu thông tiền mặt chiếm một tỷ lệ rất thấp vì họ được cung cấp khá đầy đủ, đa dạng và rất thuận tiện các dịch vụ thanh toán; việc để tiền mặt trong túi, cất giữ tiền mặt trong tủ, trong két của gia đình hầu như không có; đại bộ phận dân chúng của các nước này đều có mở tài khoản giao dịch tại các ngân hàng. Vì vậy, nếu cho rằng, lạm phát tiền tệ chính là việc lạm phát tiền mặt sẽ là một quan niệm không đúng; đặc biệt đối với các nước phát triển. Tại các nước đang phát triển; đặc biệt tại các nước kém phát triển thì lưu thông bằng tiền mặt trong toàn bộ lưu thông tiền tệ của đất nước chiếm một tỷ lệ rất cao, tỷ lệ này có khi lên tới 80 đến 90% trong tổng phương tiện thanh toán. Việt Nam là một trong số những nước có tỷ lệ tiền mặt trong tổng phương tiện thanh toán khá cao. Có lẽ từ thực tế này của Việt Nam mà người ta cho rằng lạm phát tiền tệ là lạm phát tiền mặt. Tuy nhiên, bất luận trong điều kiện kinh tế nào, việc quan niệm rằng lạm phát tiền tệ là lạm phát tiền mặt là một quan niệm không chính xác. Trước hết, nếu lạm phát tiền tệ là lạm phát tiền mặt thì giải pháp cho nó có thể đơn giản hơn rất nhiều so với quan niệm lạm phát tiền tệ một cách chính xác và đầy đủ như đã được định nghĩa từ trước tới nay.

Trở lại với định nghĩa kinh điển về lạm phát tiền tệ thì lạm phát tiền tệ luôn luôn là tình trạng đưa vào lưu thông một khối lượng phương tiện thanh toán thừa so với nhu cầu của lưu thông hàng hoá. Khoản thừa này càng lớn, càng tạo cơ hội cho giá cả hàng hóa - dịch vụ tăng lên; theo đó sức mua của tiền tệ giảm sút. Lý giải cho việc phải tăng thêm phương tiện thanh toán có thể được đưa ra bởi nhiều nguyên nhân khác nhau. Tất nhiên, trong số các nguyên nhân đó, không thể không kể đến nguyên nhân từ việc sử dụng vốn không có hiệu quả của các nhà sản xuất kinh doanh; tất nhiên kể cả việc đầu tư vào các dự án mà tính khả thi của chúng là rất thấp của các ngân hàng thương mại.

Trong kinh tế thị trường thì lạm phát tiền tệ luôn luôn là một trong những vấn đề thu hút sự quan tâm đặc biệt của tất cả các thành viên trong xã hội, đặc biệt là của các nhà chức trách, những người trực tiếp hoạch định chính sách tiền tệ quốc gia, những người làm nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, lạm phát tiền tệ là một trong những vấn đề vừa rất phức tạp, vừa rất nhạy cảm, liên quan đến nhiều chính sách kinh tế-xã hội khác nhau của đất nước nên việc tạo ra cho nó một sự đồng thuận trong cách quan niệm không phải là chuyện dễ dàng ■